TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN A
TỈNH B

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 43/2022/HS-ST.
Ngày 12-12-2022.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông P. L. L.
- Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông P. T. L.
2. Ông T. Đ. P.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà N. H. H. T – Thư ký Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B tham gia phiên tòa: Ông L. H. Q – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh B và phòng làm việc Nhà tạm giữ Công an huyện A, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai trực tiếp và trực tuyến vụ án hình sự thụ lý số: 42/2022/TLST-HS, ngày 18 tháng 11 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HS ngày 30 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **H. B. L**, tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; sinh ngày: 02/7/1980 tại A, B; nơi cư trú: Thôn H, xã T, huyện A, tỉnh B; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 9/12; nghề nghiệp: Không; con ông: H. T. T (chết) và bà: Đ. T. C (chết); vợ: T. T. T. T (sinh năm 1982); con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2018; tiền án: Ngày 18/5/2021 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/11/2021 (chưa được xóa án tích); tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 19/4/2001 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 20/10/2004 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 30 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày 20/12/2007 bị Ủy ban nhân dân tỉnh B đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc 24 tháng, ngày 22/3/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh B xử phạt 18 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, ngày

09/3/2017 bị Tòa án nhân dân huyện A xử phạt 09 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện A từ ngày 07/9/2022 cho đến nay. (*Bị cáo có mặt tại điểm cầu trực tuyến Nhà tạm giữ Công an huyện A*).

* *Người bị hại*: Chị N. T. T. H – Sinh năm: 1988; nơi cư trú: Số nhà 73 Q, thị trấn N, huyện A, tỉnh B (có mặt).

* *Người làm chứng*: Chị T. T. T. L – Sinh năm: 1978; nơi cư trú: Số nhà 73 Q, thị trấn N, huyện A, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 24 giờ ngày 06/9/2022, H. B. L mang theo kìm cộng lực trèo qua hàng rào lưới B40 vào sân nhà chị N. T. T. H ở số nhà 73 Q thuộc khu M, thị trấn N, huyện A, tỉnh B. L dùng kìm cộng lực cắt khung sắt cửa sổ đột nhập vào nhà chị H lấy trộm được 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 của chị H để trên máy quạt nước thì bị chị H và chị T. T. T. L (chị dâu của H ở cùng nhà) phát hiện truy hô. L mở cửa phía sau nhà chạy ra ngoài sân rồi leo qua tường rào phía Tây thì bị chị H và chị L nắm chân, tay giữ L lại. Quá trình giằng co L bị các mảnh thủy tinh gắn trên tường rào cắt vào áo, quần gây trầy xước trên cơ thể, L vùng ra được bỏ chạy thoát. Khi đến cầu K thuộc thôn K, xã T, huyện A, Linh ném kìm cộng lực xuống sông, rồi cầm điện thoại lấy trộm được về phòng trọ đã thuê ở thôn H, xã T, huyện A cất giấu thì bị Cơ quan CSĐT Công an huyện A phát hiện, khám xét và thu giữ.

Theo Kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá tài sản trong Tố tụng hình sự ngày 14/9/2022: 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50, vỏ màu trắng tại thời điểm trộm cắp có trị giá là 2.400.000^{đ} (hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

Về vật chứng vụ án: Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện A đã tạm giữ và xử lý trả lại 01 (một) điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 lại cho người bị hại chị N. T. T. H. Hiện còn đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A:

- 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh đen tại vị trí cách lai áo 26,5cm có vết rách không rõ hình, kích thước (5x10)cm.

- 01 (một) quần đùi màu đen sọc trắng có nhiều vết rách không rõ hình.

Đối với 01 (một) kìm cộng lực H. B. L đã ném xuống cầu K, Cơ quan CSĐT Công an huyện A đã tổ chức truy tìm nhưng không thu giữ được.

Về dân sự: Chị N. T. T. H đã nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường dân sự.

Tại bản cáo trạng số: 35/CT-VKSPC, ngày 16/11/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện A đã truy tố bị cáo H. B. L về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo H. B. L về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 và không có thay đổi bổ sung gì thêm.

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H. B. L phạm tội "Trộm cắp tài sản". Về trách nhiệm hình sự: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, của Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo H. B. L với mức án từ 12 – 15 tháng tù. Về trách nhiệm dân sự: Không. Về xử lý vật chứng: Xét 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh đen và 01 (một) quần đùi màu đen sọc trắng không còn giá trị sử dụng nên đề nghị Hội đồng xét xử tịch thu và tiêu hủy.

Trong phần tự bào chữa, bị cáo H. B. L đã thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Xét về mặt thủ tục tố tụng: Trong các giai đoạn điều tra, truy tố, cơ quan tiến hành tố tụng và những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự 2015. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà bị cáo và bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, có đủ căn cứ để xác định: ở các giai đoạn tố tụng này, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, hành vi của những người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp; quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng được đảm bảo, các nguyên tắc trong tố tụng hình sự được tôn trọng và thực hiện đầy đủ theo quy định của pháp luật hình sự.

[2]. Xét nội dung của vụ án và hành vi của bị cáo thực hiện, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi diễn biến của vụ án như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo trước Tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ

vụ án và đã được thẩm tra làm rõ tại phiên tòa. Như vậy, có đủ cơ sở chứng cứ và yếu tố pháp lý kết luận:

H. B. L là đối tượng đã bị kết án về tội Trộm cắp tài sản, chưa được xóa án tích nhưng vẫn không chịu khó làm ăn lương thiện để sửa chữa sai lầm cho bản thân mà với bản tính tham lam, chây lười, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân, H. B. L đã lén lút dùng kìm cộng lực cắt khung sắt cửa sổ đột nhập vào nhà chị N. T. T. H lấy trộm được 01 điện thoại di động hiệu Samsung Galaxy A50 có trị giá 2.400.000đ vào khoảng 24 giờ ngày 06/9/2022 tại số nhà 73 Q thuộc khu M, thị trấn N, huyện A, tỉnh B.

Hành vi của bị cáo H. B. L là hành vi nguy hiểm cho xã hội, đã cố ý chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương nên cần phải xử lý nghiêm khắc theo quy định của pháp luật hình sự.

[3]. Xét tính chất nguy hiểm của hành vi, lỗi của bị cáo đã thực hiện, hậu quả thiệt hại đã xảy ra, Hội đồng xét xử xác định: Viện kiểm sát nhân dân huyện A, tỉnh B truy tố bị cáo H. B. L về tội: "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử kết luận: Bị cáo H. B. L phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*" tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015, do đó cần xét xử bị cáo với mức án nghiêm minh nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo và răn đe phòng ngừa chung, góp phần ổn định tình hình an ninh trật tự và an toàn xã hội ở địa phương.

[4]. Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử thấy rằng:

H. B. L đã có 01 tiền án về Tội trộm cắp tài sản, vừa mới chấp hành xong hình phạt tù được một thời gian ngắn chưa được xóa án tích đã tiếp tục phạm tội nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Xét trong quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo khai báo thành khẩn thừa nhận hành vi phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét quyết định mức hình phạt cho bị cáo.

Nhận thấy nhân thân của bị cáo rất xấu, đã nhiều lần bị xét xử về tội trộm cắp tài sản do vậy khẳng định được bị cáo không ăn năn, hối cải về hành vi của mình. Do đó mặc dù hậu quả vụ án tuy không lớn nhưng để thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật, cần phải tiếp tục cách ly bị cáo ra một thời gian nữa để cải tạo, giáo dục bị cáo.

Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa cũng phù hợp với nhận định trên nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại chị N. T. T. H không có yêu cầu gì về bồi thường nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về xử lý vật chứng: Xét 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh đen và 01 (một) quần đùi màu đen sọc trắng của bị cáo H. B. L đã không còn giá trị sử dụng nên áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự tịch thu và tiêu hủy vật chứng trên.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại các Điều 135 và 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc bị cáo H. B. L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm h khoản 1 Điều 52, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106, Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo H. B. L phạm tội: "*Trộm cắp tài sản*".

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo H. B. L **15 (mười lăm) tháng tù**. Thời hạn phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam: 07/9/2022.

3. Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

3.1. Về trách nhiệm dân sự: Không.

3.2. Về xử lý vật chứng: Tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) áo thun ngắn tay màu xanh đen tại vị trí cách lai áo 26,5cm có vết rách không rõ hình, kích thước (5x10)cm.

- 01 (một) quần đùi màu đen sọc trắng có nhiều vết rách không rõ hình.

Hiện đang tạm giữ tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện A, tỉnh B.

4. Về án phí: Bị cáo H. B. L phải chịu 200.000^{đ} (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện A;
- VKSND tỉnh B;
- Cơ quan CSĐT Công an huyện A;
- Phòng Hồ sơ NVCS CA huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu án văn;
- Lưu THA phạt tù;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

P. L. L